TAND HUYỆN CHI LĂNG **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 06- 02 - 2018
V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHI LĂNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Văn Na
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Hoàng Văn Khoát
2. Bà Lô Thùy Linh

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Phấn là Thư ký Toà án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2018, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 56/2017/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2017 về ly hôn và tranh chấp nuôi con, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2018/QĐXX-ST ngày 19 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự;

- *Nguyên đơn:* Chị Lý Thị L, sinh năm 1993, địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn: Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1991, địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn: Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01 tháng 11 năm 2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lý Thị L trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn B trước khi kết hôn không được tìm hiểu nhau, chỉ có người mai mối sau một thời gian thì tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán tại địa phương vào ngày 20 tháng 3 năm 2013 (âm lịch). Đến ngày 08 tháng 12 năm 2014 thì chị và anh B đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Sau kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc và đã có hai người con chung là cháu Nguyễn Thị A sinh ngày 11 tháng 02 năm 2015 và cháu Nguyễn Thị E sinh ngày 10 tháng 3 năm 2017. Đến tháng 3 năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do anh Nguyễn Văn B thường xuyên uống rượu say về nhà chửi bới vợ con, do tính cách không hòa hợp, quan điểm sống khác nhau, tình cảm vợ chồng càng ngày càng lạnh

nhạt. Đến tháng 6 năm 2017 Chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Nay Chị xác định không còn tình cảm với anh B và xin được ly hôn.

Về con chung: Chị Lý Thị L và anh Nguyễn Văn B có hai người con chung là cháu Nguyễn Thị A, sinh ngày 11 tháng 02 năm 2015 và cháu Nguyễn Thị E sinh ngày 10 tháng 3 năm 2017. Khi ly hôn Chị L yêu cầu được nuôi dưỡng hai người con chung và không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Tại phiên tòa anh Nguyễn Văn B thừa nhận: Về điều kiện kết hôn đúng như chị L đã trình bày, nhưng anh cho rằng trước khi kết hôn anh và chị L có được tìm hiểu nhau khoảng bốn tháng sau đó mới tổ chức đám cưới theo tập quán tại địa phương và có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, sau kết hôn vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc. Đến tháng 6 năm 2017 thì vợ chồng nẩy sinh mâu thuẫn, do tính cách không hợp nhau nên thường xuyên cãi vã mắng chửi nhau. Đến ngày 29 tháng 6 năm 2017 Chị L bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống, từ đó vợ chồng ly thân đến nay, nhưng Anh vẫn còn thương yêu chị L và có đến nhà ngoại thăm vợ con vài lần, Anh không đồng ý ly hôn với chị L mong chị L suy nghĩ lại, quay về đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái.

Về con chung: Anh B thừa nhận anh và chị L có hai người con chung là cháu cháu Nguyễn Thị A, sinh ngày 11 tháng 02 năm 2015 và cháu Nguyễn Thị E sinh ngày 10 tháng 3 năm 2017. Nếu phải ly hôn anh yêu cầu được nuôi hai người con chung và không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Tại phiên tòa các đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng chấp hành nghiêm túc quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền, nghĩa vụ nên Viện kiểm sát viên không có yêu cầu, kiến nghị gì.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Sau khi đánh giá các tài liệu chứng cứ Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử;

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Lý Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn B.

Về con chung: Tại phiên tòa chị Lý Thị L và anh Nguyễn Văn B không tự thỏa thuận được về yêu cầu nuôi con chung, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, giao hai người con chung cho chị Lý Thị L trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và buộc anh Nguyễn Văn B không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, vì nguyên đơn Chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Quan hệ hôn nhân giữa chị Lý Thị L và anh Nguyễn Văn B được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, chị L và anh B không có hạnh phúc do tính cách không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến việc hai vợ chồng thường xuyên cãi vã, anh B thường hay chửi bới Chị L và có lời đe dọa dùng dao chém nếu chị L bỏ đi, dẫn đến tình cảm vợ chồng bị dạn nứt, lạnh nhạt mâu thuẫn giữa hai vợ chồng ngày càng trầm trọng khiến cho hôn nhân lâm tình trạng bế tắc, không quan tâm lẫn nhau. Từ tháng 6/2017 chị L đã mang hai con còn nhỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Trong thời gian ly thân anh B cũng có đến thăm con vài lần, nhưng không có biện pháp gì hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại phiên tòa chị Lý Thị L nhất quyết xin được ly hôn, vì Chị không còn tình cảm với anh Nguyễn Văn B và không đồng ý đoàn tụ theo đề nghị của anh B.

[2] Tại phiên tòa anh Nguyễn Văn B thừa nhận lời khai của chị L là đúng, anh cũng có vài lần uống rượu và có được chửi chị L do chị L sung khắc với mẹ đẻ của anh, do chị L hay dọa bỏ đi nên anh cũng được đe dọa như chị L khai. Từ khi chị L bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống thì anh cũng có đến thăm con vài lần, nhưng anh cũng không có biện pháp gì để hóa giải mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Chị L đề nghị ly hôn, anh không nhất trí và đề nghị chị L suy nghĩ lại để đoàn tụ gia đình cùng nhau chăm sóc, nuôi con chung. Nếu phải ly hôn thì anh đề nghị được nuôi dưỡng chăm sóc hai con chung là cháu Nguyễn Thị A và Nguyễn Thị E, không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản và nợ chung của vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Quá trình tranh tụng tại phiên tòa Chị Lý Thị L vẫn giữ ý kiến như theo đơn khởi kiện, anh Nguyễn Văn B giữ ý kiến trình bày ở trên. Xét thấy; nguyên đơn chị Lý Thị L đưa ra các căn cứ xin ly hôn với anh Nguyễn Văn B như trong cuộc sống vợ chồng có nhiều bất đồng về quan điểm sống, không hòa hợp, thường xuyên hay cãi chửi nhau, không tôn trọng lẫn nhau và còn đe dọa khủng bố tinh thần của chị L. Hội đồng xét xử xét thấy: Do có hành vi đe dọa, bạo lực gia đình của bị đơn anh Nguyễn Văn B gây ra đã làm cho tình cảm vợ chồng giữa chị L và anh B đã đến mức trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2015 thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Nhưng anh Nguyễn Văn B lại không thực hiện được điều này. Nên cần chấp nhận đơn của chị Lý Thị L yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn B là có căn cứ chấp nhận.

[4]. Về con chung: Tại phiên tòa anh Nguyễn Văn B và chị Lý Thị L không tự thỏa thuận được về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Thị A và cháu Nguyễn Thị E, cả hai cháu đều dưới ba mươi sáu tháng tuổi, theo quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình xét thấy cần giao các cháu Nguyễn Thị A và Nguyễn Thị E cho chị Lý Thị L trông nom, nuôi dưỡng là có căn cứ. Tại phiên tòa chị Lý Thị L không yêu cầu anh Nguyễn Văn B phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử không xem xét về việc cấp dưỡng nuôi con chung.

[3]. Về tài sản chung và nợ chung: Không có

[4]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường cụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng

án phí và lệ phí Tòa án. Chị Lý Thị L phải chịu án phí Hôn nhân Gia đình theo quy định.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 2, 3 Điều 81, khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lý Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn B.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị A sinh ngày 11 tháng 02 năm 2015 và cháu Nguyễn Thị E sinh ngày 10 tháng 3 năm 2017 cho chị Lý Thị L trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn.

Anh Nguyễn Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở việc thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có

4. Về án phí: Chị Lý Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn theo biên lai thu số AA/2012/04752 ngày 15/11/2017.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Lạng Sơn;*
- *VKSND huyện Chi Lăng;*
- *Chi cục THADS huyện Chi Lăng;*
- *UBND xã Hữu Kiên huyện Chi Lăng*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hoàng Văn Na